

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động phân hoá đan xen giữa các nhóm ngành với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2401 giảm điểm trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

STB, NKG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, có thể cân nhắc mua/bán linh hoạt 2 chiều tỷ trọng thấp tại các vùng hỗ trợ/kháng cự kế tiếp, cụ thể là cận dưới 1080 (+15) và quanh 1110 (+5).

22/12/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,103.06	+0.06
VN30	1,097.45	+0.00
HĐTL VN30F1M	1,097.70	+0.26
HNXIndex	228.27	-0.09
HNX30	488.66	-0.23
UPCoM	86.14	-0.02
USD/VND	24,252	-0.32
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.21	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.22	+8
Dầu (WTI, \$)	74.72	+1.12
Vàng (LME, \$)	2,050.73	+0.23



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,103.06 (+0.06%)
KLGD (triệu CP) 496.3 (+22.0%)
GTGD (triệu U\$) 505.3 (+8.9%)

V#KBMainBody TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động phân hoá đan xen giữa các nhóm ngành, thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 507.58 tỷ đồng, tập trung tại HPG (-0.55%), VND (-1.15%), MSN (-1.1%).

HNXIndex 228.27 (-0.09%)
KLGD (triệu CP) 80.1 (+50.6%)
GTGD (triệu U\$) 63.7 (+88.5%)

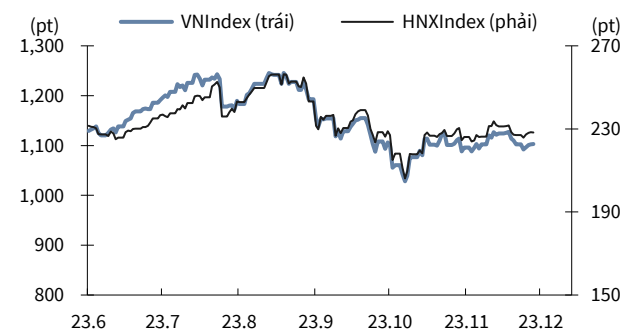
Ghi nhận cho thấy, giá lúa gạo hôm nay (22/12) giảm 100 đồng/kg đối với lúa IR 50404. Cổ phiếu ngành thực phẩm giảm giá ở DBC (-0.95%), TAR (-1.11%).

UPCoM 86.14 (-0.02%)
KLGD (triệu CP) 27.7 (+11.1%)
GTGD (triệu U\$) 15.4 (+55.4%)

Chốt phiên giao dịch, giá dầu thô Brent giảm 31 US cent xuống 79.39 USD/thùng và giá dầu thô WTI của Mỹ giảm 33 US cent xuống 73.89 USD/thùng. Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá ở BSR (-0.54%), PVC (-1.32%).

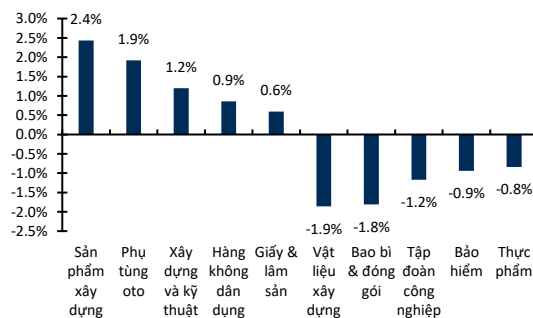
NĐTNN mua ròng (triệu U\$) -19.9

VNIndex & HNXIndex



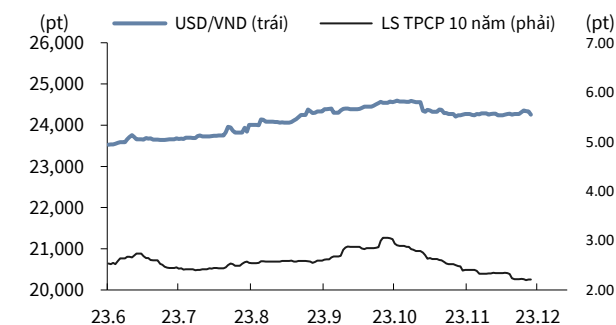
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

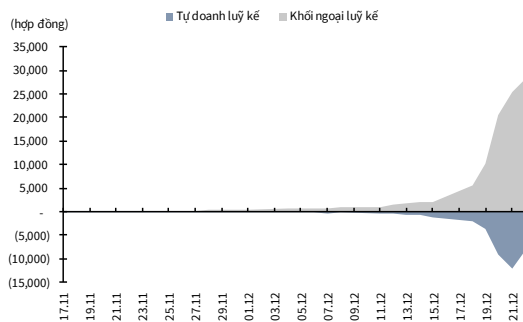
VN30	1,097.45 (+0.00%)
VN30F1M	1,097.7 (+0.26%)
Mở cửa	1,100.0
Cao nhất	1,100.0
Thấp nhất	1,093.3

KLGD (HĐ) **171,734 (-2.1%)**

HDTL VN30F2401 giảm điểm trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2401 và VN30 mở cửa ở mức 2.07 điểm, sau đó biến động quanh mức -0.17 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 0.25 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

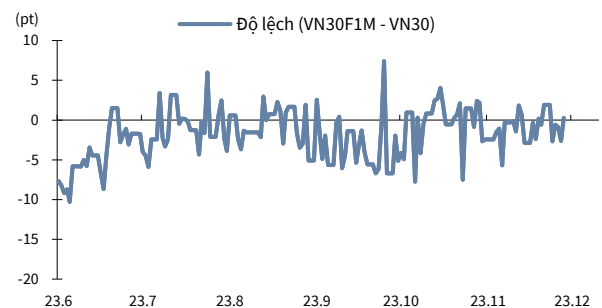
Khối ngoại mua ròng 2,527 HĐTL VN30F2401 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 28,031 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 3,790 hợp đồng tuy nhiên đang duy trì vị thế bán lũy kế 8,225 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



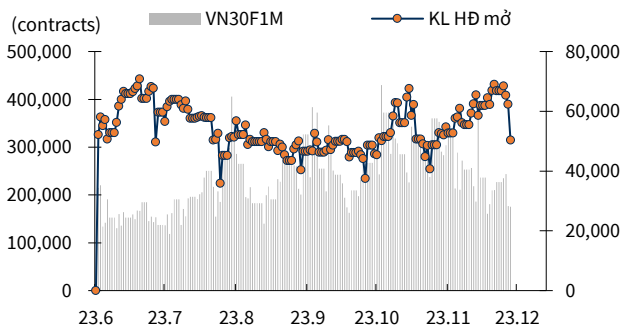
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



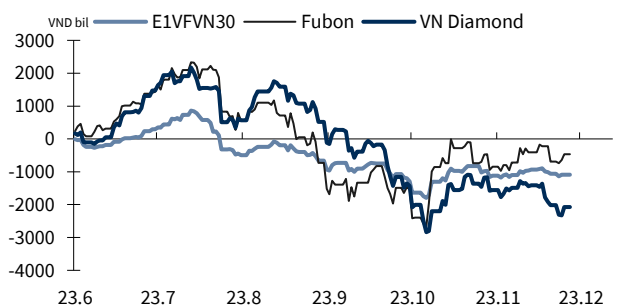
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

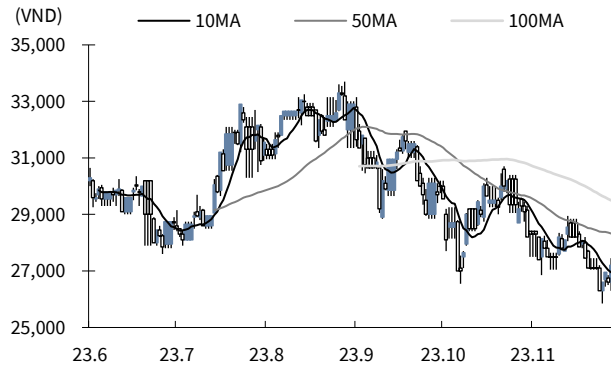
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

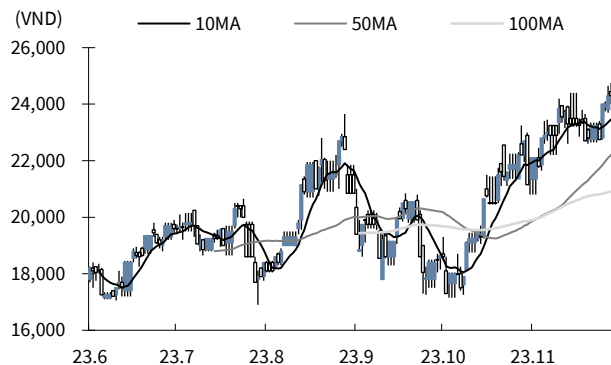
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- STB tăng 2.26% lên 27,200 VND/cp
- Thông tin từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cho biết, tính đến cuối năm 2023, tổng tài sản của nhà băng này ước đạt gần 664,000 tỷ đồng, trong đó tài sản có sinh lời chiếm 90.3%. Tổng huy động vốn ước đạt hơn 574 nghìn tỷ đồng; cho vay ước đạt hơn 487 nghìn tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2023 của Sacombank ước đạt hơn 9,500 tỷ, tăng 50% so năm trước và đạt 100% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 2%.

CTCP Thép Nam Kim (NKG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NKG đóng cửa ở mức tham chiếu với giá 24,300 VND/cp
- Trong quý 3/2023, Nam Kim ghi nhận doanh thu thuần đạt 4,262 tỷ đồng, giảm gần 4% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế ở mức 24 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lỗ gần 420 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, Nam Kim ghi nhận 14,136 tỷ đồng doanh thu và 110 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, giảm lần lượt 25% và 62% so với cùng kỳ. So với kế hoạch kinh doanh năm 2023 với chỉ tiêu 20,000 tỷ đồng doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt 400 tỷ đồng, doanh nghiệp này đã thực hiện được 71% mục tiêu doanh thu và 37% mục tiêu lợi nhuận cả năm.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua diễn biến rung lắc giằng co trong phiên sáng trước khi đảo chiều và dần hồi phục trong phiên chiều.
- Với việc hình thành mẫu nến doji chân dài cho thấy mặc dù trạng thái giao dịch giữa 2 phe vẫn đang có tín hiệu giằng co, lực cầu phần nào thể hiện sự chủ động sẵn sàng nhập cuộc hơn tại các vùng giá thấp/ngưỡng hỗ trợ của các cổ phiếu. Tuy nhiên, đà tăng điểm chưa thực sự mang tính thuyết phục khi thanh khoản vẫn đang duy trì ở ngưỡng thấp, sự phân hóa đang diễn ra giữa các nhóm ngành và giữa các cổ phiếu trong nhóm ngành. Do vậy, chỉ số tiếp tục được dự báo có thể sẽ sớm gặp áp lực rung lắc tại vùng cản gần quanh 1110 (+5).
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, có thể cân nhắc mua/bán linh hoạt 2 chiều tỷ trọng thấp tại các vùng hỗ trợ/kháng cự kế tiếp, cụ thể là cận dưới 1080 (+15) và quanh 1110 (+5).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1106 – 1108

Kháng cự gần: 1099 – 1101

Hỗ trợ gần: 1090 – 1094

Hỗ trợ xa: 1078 – 1080

- Sau nhịp tăng điểm vào đầu phiên, F1 diễn biến rung lắc giằng co trong phiên sáng trước khi đảo chiều và lấy lại một phần thành quả trong phiên chiều.
- F1 tiếp tục hình thành mẫu nến rút chân sau khi chịu áp lực bán lớn từ đầu phiên, cho thấy phe mua phần nào vẫn đang thể hiện sự chủ động hơn. Mặc dù vậy, F1 được dự báo có thể sẽ sớm gặp áp lực rung lắc tại vùng cản quanh 1105 do xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đang là chủ đạo và thanh khoản vẫn đang duy trì ở ngưỡng thấp.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế Short khi F1 tiếp cận ngưỡng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

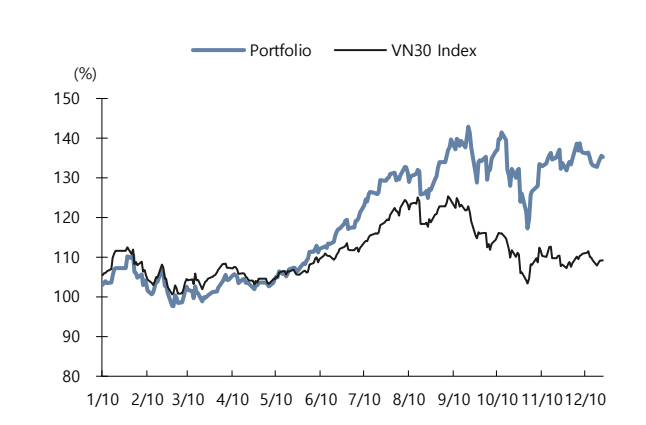
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.00%	-0.24%
Tăng lũy kế (YTD)	9.18%	35.27%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/12/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	32,350	0.5%	19.2%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuan (PNJ)	11/01/2023	83,800	-0.1%	16.4%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Digiworld (DGW)	12/01/2023	51,400	-0.2%	-0.2%	- Kỳ vọng đóng góp từ ngành hàng và thương hiệu mới - Khác biệt DGW với các nhà bán lẻ giúp bảo toàn lợi nhuận và phát triển bền vững
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	15,100	-1.6%	19.4%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	23,200	-0.2%	7.4%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nam Long (NLG)	12/01/2023	36,700	0.0%	-1.3%	- Doanh số bán hàng trong quý 3/2023 tiếp tục cải thiện so với các quý trước - Các dự án căn hộ trung cấp/vừa túi tiền vẫn thu hút được người mua có nhu cầu thực - Nền tảng cơ bản vững chắc với cơ cấu tài chính an toàn
Petrovietnam Fertilizer (DPM)	12/01/2023	32,550	-0.6%	-2.0%	- Kỳ vọng DPM có thể cải thiện BLNG nhờ tiêu thụ hết phần tồn kho giá cao và có hợp đồng giá khí đầu vào tốt hơn - Nhu cầu tiêu thụ có thể cải thiện từ đầu năm 2024 khi thị trường nội địa bước vào vụ mùa mới
Hai An Transport (HAH)	12/01/2023	37,400	-0.1%	3.2%	- Giá cước có thể cải thiện do các vấn đề liên quan tới thời tiết và lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HOKD
Vietcombank (VCB)	12/01/2023	80,900	0.0%	-4.8%	- Tín dụng tăng tốc giai đoạn cuối năm 2023 và tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Khang Dien House (KDH)	12/01/2023	30,050	0.0%	-4.8%	- Kỳ vọng dự án The Privia đạt tỷ lệ hấp thụ tốt, đóng góp vào doanh số bán hàng năm 2023-2024 - Kỳ vọng doanh số năm 2024 tăng trưởng mạnh

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MWG	-0.7%	44.4%	117.4
HDB	1.1%	19.7%	14.7
BID	1.6%	15.3%	21.0
FTS	0.5%	28.1%	17.4
NKG	0.0%	16.0%	50.4
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.6%	24.7%	-93.4
VND	-1.2%	23.3%	-79.5
MSN	-1.1%	28.3%	-67.1
SSI	0.5%	46.1%	-42.9
VPB	-0.3%	27.9%	-41.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.6%	1.7%	13.4
PVS	0.3%	21.4%	1.7
NRC	2.2%	6.5%	1.2
HUT	0.0%	1.6%	0.2
API	-1.7%	0.7%	0.1
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-1.6%	13.2%	-5.0
CEO	0.4%	5.7%	-1.9
DTD	0.4%	0.3%	-0.4
NVB	-1.0%	4.0%	-0.3
TIG	-1.7%	11.6%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	5.2%	DRC, CSM, PAC, TNC
Sản phẩm xây dựng	4.9%	VGC, BMP, SHI, DAG
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	4.7%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Máy móc	4.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Bán lẻ hàng chuyên dụng	3.1%	MWG, FRT, CTF, HAX
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-2.2%	TNH, JVC, VMD
Đồ uống	-2.0%	SAB, BHN, SMB, SCD
Tiện ích khí	-1.7%	GAS, PGD, PMG
Bao bì & đóng gói	-1.7%	TDP, SVI, MCP, TPC
Công nghệ	-1.6%	FPT, CMG, ELC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	6.7%	PGV, NT2, PPC, TTA
Phụ tùng oto	5.2%	DRC, CSM, PAC, TNC
Sản phẩm xây dựng	3.6%	VGC, BMP, SHI, DAG
Hàng hải	3.3%	VSC, VOS, SKG, VTO
Máy móc	3.2%	TCH, HHS, SRF, SHA
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích khí	-5.3%	GAS, PGD, PMG
Bảo hiểm	-3.8%	BVH, MIG, BIC, BMI
Bao bì & đóng gói	-3.4%	TDP, SVI, MCP, TPC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.4%	TNH, JVC, VMD
Ngân hàng	-3.2%	VCB, BID, VPB, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	134,691 (5.5)	22.5	43.0	-	14.7	3.3	0.0	1.4	1.4	-0.1	-1.3	2.7	-19.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	270,638 (11.2)	26.6	4.6	4.7	35.9	22.5	18.8	1.0	0.9	0.2	1.0	3.3	-16.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	78,738 (3.2)	17.8	12.2	11.9	-7.6	12.1	11.2	1.4	1.3	0.0	1.8	0.7	-12.7
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	469,681 (19.4)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.9	0.9	0.0	-1.8	-4.3	18.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	48,552 (2.0)	11.6	22.3	20.7	13.7	9.1	10.5	1.7	1.7	0.0	-1.0	-7.0	24.7
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	404,004 (16.6)	13.9	49.8	41.5	-	2.5	3.1	1.3	1.2	-2.3	0.5	-6.6	55.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	97,475 (4.0)	6.3	15.2	12.8	11.7	20.9	19.4	2.6	2.2	0.0	-1.6	-6.7	19.4
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	40,423 (1.7)	12.7	12.4	9.7	-5.3	18.3	19.4	2.1	1.7	1.6	2.3	9.7	23.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	85,424 (3.5)	0.0	5.9	5.1	14.3	14.8	15.2	0.8	0.7	-0.2	0.0	-1.1	18.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	83,082 (3.4)	1.4	8.0	6.6	50.3	15.8	16.7	1.1	1.0	-0.4	-0.9	-0.1	8.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	185,440 (7.6)	0.0	11.1	8.5	18.8	10.0	11.4	1.0	0.9	-0.3	-2.9	-7.6	1.4
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	124,034 (5.1)	0.0	4.8	4.1	14.6	24.5	23.1	1.0	0.8	0.8	1.4	1.4	23.1
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	127,908 (5.3)	4.2	6.3	4.6	23.3	21.4	23.0	1.2	1.0	1.1	-0.3	1.9	36.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	452,644 (18.6)	14.0	8.5	5.2	26.5	16.6	21.4	1.1	0.9	2.3	0.4	-6.5	20.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	87,909 (3.6)	0.0	5.3	4.7	37.4	16.4	17.1	1.1	0.9	0.0	-0.3	-1.2	11.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	221,679 (9.1)	0.2	-	-	27.3	7.7	11.4	-	-	0.0	0.3	-4.2	-7.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	13,287 (0.5)	21.0	16.1	15.8	15.8	8.7	8.4	1.3	1.3	-1.1	-1.5	-4.8	-16.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,398 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-0.2	1.4	-1.9	8.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	653,140 (26.9)	55.4	23.0	20.7	-3.2	9.1	8.8	2.1	2.1	0.5	1.7	-1.7	82.8
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	252,443 (10.4)	71.9	35.1	25.3	-4.0	7.9	10.8	2.8	2.7	-1.0	1.2	-6.0	76.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	206,268 (8.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-0.9	2.9	6.9	62.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	582,283 (24.0)	27.2	18.8	18.5	36.3	9.3	9.3	1.8	1.7	-1.1	-1.4	-1.8	59.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	178,671 (7.4)	42.1	18.3	15.6	4.0	27.7	29.6	4.6	4.3	-0.3	-0.7	-2.6	-11.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	35,669 (1.5)	36.9	17.6	16.4	7.3	18.6	20.9	3.2	3.3	-0.8	-2.1	-3.1	-26.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	139,066 (5.7)	16.5	72.9	30.3	-51.9	3.9	11.7	3.3	3.0	-1.1	0.0	-2.9	-32.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	10,209 (0.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.0	13.3	8.2	-1.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	87,587 (3.6)	11.0	59.6	23.8	-88.5	5.4	13.7	3.8	3.2	0.9	3.1	-1.8	-3.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	48,703 (2.0)	10.8	9.1	18.8	-57.0	30.8	12.9	2.4	2.2	0.4	0.4	-3.0	50.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	126,659 (5.2)	38.4	32.9	21.0	65.7	2.4	3.8	-	-	-0.9	-0.9	-7.0	28.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	435,021 (17.9)	37.7	32.1	27.1	-14.4	5.1	8.9	1.5	1.5	0.4	2.0	-1.9	83.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	96,130 (4.0)	3.6	27.5	28.2	-52.4	2.7	2.7	0.8	0.8	2.0	5.2	-1.2	164.2
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	19,657 (0.8)	0.0	9.4	8.7	-4.5	13.2	13.0	1.2	1.1	-1.2	-1.6	-3.0	-10.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	49,551 (2.0)	46.1	14.8	15.3	-17.5	19.0	17.6	2.7	2.5	0.0	-1.7	-5.4	-11.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	12,310 (0.5)	31.4	19.8	15.9	-10.5	7.7	10.4	1.6	1.6	-1.1	-2.7	-6.0	-18.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,871 (0.1)	34.1	14.0	6.5	-5.1	7.1	14.3	-	-	0.7	3.4	13.6	18.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	685,634 (28.3)	18.0	25.1	12.8	21.9	6.3	11.0	1.5	1.4	-0.6	0.9	-0.6	50.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	51,994 (2.1)	36.5	17.1	15.4	-0.5	6.4	7.8	1.0	1.0	-0.6	-0.6	-3.0	-24.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	85,470 (3.5)	46.5	16.0	9.8	-4.5	10.3	16.7	1.4	1.4	0.8	0.3	-2.6	19.2
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	246,451 (10.2)	38.9	12.5	8.8	67.9	10.4	15.3	1.2	1.1	-0.7	3.6	-1.8	92.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	21,299 (0.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.0	-1.1	-1.7	35.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	26,378 (1.1)	4.6	14.5	12.6	-51.0	12.9	12.8	1.7	1.6	-0.6	-1.5	-0.7	6.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	122,975 (5.1)	39.9	33.1	13.6	-11.9	4.3	7.7	1.0	1.0	-0.9	3.0	0.4	55.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	107,994 (4.4)	35.9	9.3	8.0	2.2	14.3	14.5	1.3	1.2	0.4	5.1	3.9	20.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	341,989 (14.1)	0.0	48.3	22.0	14.4	1.3	8.7	2.5	2.4	-0.7	3.9	6.4	-1.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	67,735 (2.8)	0.0	16.0	13.7	2.4	18.9	19.7	2.9	2.5	-0.1	5.8	3.2	-6.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	12,004 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.9	-3.0	20.4	122.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	35,420 (1.5)	30.3	-	36.6	-75.2	-4.0	23.1	7.4	6.5	0.6	1.7	0.8	70.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	11,721 (0.5)	34.6	14.0	17.6	41.2	14.9	12.5	2.0	2.1	-0.2	0.4	0.7	20.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,799 (0.1)	45.4	13.4	13.9	10.7	22.3	19.5	2.7	2.5	0.6	-0.8	-4.8	17.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	192,160 (7.9)	0.0	19.0	15.4	15.5	28.1	29.6	4.9	4.2	-0.5	-1.7	1.7	41.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhh@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.